

Số: **2940**/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **12** tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy chế phối hợp thực hiện Chỉ số thành phần
Tính năng động, tiên phong trong Chỉ số năng lực cạnh tranh
cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh về khắc
phục những hạn chế, yếu kém năm 2019 và nâng cao Chỉ số PCI năm 2020 và các
năm tiếp theo;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện Chỉ số thành phần Tính năng động, tiên phong trong Chỉ số PCI trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tư pháp; Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU, (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Thành viên BCĐCCHC & NCNLCT tỉnh;
- Ban LĐVP;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNV. 06

••

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng



QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện Chỉ số thành phần Tính năng động,
tiên phong trong Chỉ số PCI trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**
(Kèm theo Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 12/ 8 /2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích yêu cầu

1. Phần đầu năm 2020 và những năm tiếp theo, PCI của tỉnh Trà Vinh tăng cả về điểm số và thứ hạng theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 03/11/2016 của Tỉnh ủy Trà Vinh về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016 - 2020 đã đề ra;

2. Đẩy mạnh xây dựng một môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, thuận lợi, tạo động lực thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Nâng cao chất lượng thực hiện Chỉ số Tính năng động (Đẩy mạnh khắc phục 03/09 chỉ số thành phần thấp, đồng thời cải thiện 06/09 chỉ số khác, tốt năm 2019). Phần đầu tăng 05 bậc, hạng 14/63 trong năm 2020.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về cơ chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Hội doanh nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong thực hiện Chỉ số thành phần Tính năng động, tiên phong trong Chỉ số PCI trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Phối hợp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị và những quy định của pháp luật; Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, chủ động và trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt các chỉ tiêu của chỉ số thành phần tính năng động, tiên phong trong Chỉ số PCI trên địa bàn tỉnh; Với tinh thần quyết tâm, tập trung khắc phục những tồn tại hạn chế PCI năm 2019, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ và toàn diện trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện cải cách năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh; Xác định rõ cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp; trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; nội dung, cách thức thực hiện; chế độ thông tin, báo cáo;

2. Nâng cao tính chủ động trong phối hợp thực hiện, bảo đảm đúng quy trình, thời gian thực hiện theo các quy định pháp luật, cập nhật các quy định mới trong quá trình giải quyết công việc;

3. Bảo đảm thực hiện thống nhất, hiệu quả trong quá trình thực hiện các tiêu chí của chỉ số thành phần tính năng động trong Chỉ số PCI trên địa bàn tỉnh.

Chương II **NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

Điều 4. Nội dung thực hiện

Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, phải chịu trách nhiệm trước những chỉ tiêu trong chỉ số thành phần Tính năng động, tiên phong khi được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc phối hợp. Thực hiện công khai, minh bạch các thông tin liên quan đến cơ chế, chủ trương, chính sách pháp luật, tăng cường công tác nắm bắt và kịp thời đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp. Quan tâm hơn hoạt động đối thoại với doanh nghiệp.

Nội dung thực hiện cụ thể (đính kèm phụ lục).

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp

1. Văn phòng UBND tỉnh

- Rà soát, cập nhật những quy định mới của pháp luật để kịp thời tham mưu cho lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương triển khai, vận dụng một cách thông suốt, linh hoạt, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là những vấn đề mới phát sinh;

- Phối hợp các sở, ngành, địa phương, tham mưu, đề xuất lãnh đạo UBND tỉnh giao trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị báo cáo, đề xuất những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật, đảm bảo sự nhất quán trong chủ trương, chính sách từ tỉnh đến cơ sở;

- Phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt trách nhiệm trong xử lý thực thi công vụ;

- Tham mưu lãnh đạo UBND mời Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tham dự các cuộc họp của UBND tỉnh liên quan đến doanh nghiệp để kịp thời theo dõi, hỗ trợ doanh nghiệp; định kỳ hàng quý tổ chức cuộc họp giữa lãnh đạo UBND tỉnh và Thường trực Hiệp hội doanh nghiệp để giám sát, đánh giá kế hoạch hoạt động, cùng như lắng nghe ý kiến của Hiệp hội liên quan đến khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp;

2. Các Sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố

Các sở, ngành tỉnh, địa phương chủ động phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đề xuất sửa đổi, bổ sung những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh liên quan ngành, lĩnh vực phụ trách, tạo mọi điều kiện để nhà đầu tư sớm đưa dự án vào hoạt động, phát huy được hiệu quả; đề xuất UBND tỉnh xử lý kịp thời những bất cập khi triển khai, thực hiện các chính sách, đặc biệt là chính sách ưu đãi; Chủ động giải quyết các công việc theo thẩm quyền, không dùn dẩy trách nhiệm; Phát huy tính năng động, sáng tạo của lãnh đạo trong việc thực thi các chính sách pháp luật nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp; Nâng cao năng lực, trách

nhiệm, tinh thần phục vụ cán bộ, công chức, viên chức. Phát huy tốt hơn các hội, hiệp hội là đại diện hợp pháp của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trường hợp trong quá trình xử lý các công việc có phát sinh mới, nhưng chưa được pháp luật quy định, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp ngay với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp đề xuất UBND tỉnh cho ý kiến chỉ đạo hoặc đề xuất cơ quan Trung ương cho ý kiến.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phát hiện văn bản có dấu hiệu vi phạm pháp luật, phối hợp Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan có liên quan xử lý ngay hoặc thành lập đoàn kiểm tra để kiểm tra việc triển khai thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý cho phù hợp;

3. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Xây dựng kế hoạch hoạt động, nhằm phát huy vai trò của cơ quan đại diện tiếng nói của doanh nghiệp;

Phối hợp Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh tăng cường công tác đối thoại và nâng cao chất lượng tổ chức đối thoại về TTHC trên từng lĩnh vực người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư còn gặp khó khăn, vướng mắc: Trong đối thoại với doanh nghiệp, cần rà soát lại cách làm, đặc biệt là chất lượng; chú trọng chất lượng giải quyết các thắc mắc, phản ánh của doanh nghiệp; Nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của các tổ chức hiệp hội doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ làm cầu nối, tiếp nhận thông tin, phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp để báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan có giải pháp tháo gỡ kịp thời.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Chế độ thông tin báo cáo

Định kỳ hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý), 6 tháng (trước ngày 10/6), năm (trước ngày 10/12) và đột xuất (khi có yêu cầu), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao trách nhiệm phối hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh) về kết quả triển khai thực hiện các nội dung được giao.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan, triển khai, thực hiện Quy chế này; UBND cấp huyện có trách nhiệm triển khai đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

2. Quá trình triển khai thực hiện quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.



Phụ lục

CÁC CHỈ TIÊU CỦA CHỈ SỐ THÀNH PHẦN TÍNH NĂNG ĐỘNG, TIÊN PHONG TRONG CHỈ SỐ PCI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2940/QĐ-UBND ngày 12/ 8 /2020

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

| STT | Nội dung tiêu chí | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành |
|-----|---|--|--|---------------------------------|
| 1. | Vận dụng pháp luật linh hoạt nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho KTTN | Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố; | Văn phòng UBND tỉnh | Năm 2020 và những năm tiếp theo |
| 2 | Năng động sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | Năm 2020 và những năm tiếp theo |
| 3 | Thái độ của chính quyền tỉnh với khu vực KTTN | Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Văn phòng UBND tỉnh | Năm 2020 và những năm tiếp theo |
| 4 | Sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở, ngành | Văn phòng UBND tỉnh | Các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2020 và những năm tiếp theo |
| 5 | Có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện, thị xã, thành phố | Sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; | Văn phòng UBND tỉnh | Năm 2020 và những năm tiếp theo |
| 6 | Khi CS, PLTW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường đợi xin ý kiến chỉ đạo hoặc không làm gì | Sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; | Văn phòng UBND tỉnh | Năm 2020 và những năm tiếp theo |
| 7 | Vướng mắc khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua đối thoại DN | Văn phòng UBND tỉnh | Hiệp hội các doanh nghiệp tỉnh, các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố | Năm 2020 và những năm tiếp theo |
| 8 | DN nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh, khó khăn, vướng mắc | Văn phòng UBND tỉnh | Sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; | Năm 2020 và những năm tiếp theo |
| 9 | Tỷ lệ DN hài lòng với phản hồi cách giải quyết của CQNN tỉnh | Sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; | Văn phòng UBND tỉnh | Năm 2020 và những năm tiếp theo |